

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện kê khai và công khai tài sản, thu nhập năm 2020 và những năm tiếp theo**

Thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây viết tắt là Nghị định số 130/2020/NĐ-CP) và Kế hoạch số 6051/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 như sau:

#### **A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Tổ chức quán triệt sâu rộng nội dung về công tác phòng chống tham nhũng và thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập, góp phần nâng cao nhận thức về tư tưởng, chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế và đẩy lùi tệ nạn tham nhũng.

Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 6051/KH-UBND ngày 31/12/2020.

#### **B. NỘI DUNG**

##### **I. KÊ KHAI LẦN ĐẦU**

##### **1. Kê khai lần đầu đối với các đối tượng đang công tác**

##### **1.1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập**

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 là các đối tượng được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 gồm: công chức; người giữ chức vụ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp (danh sách kèm theo).

##### **1.2. Tài sản, thu nhập phải kê khai**

Tài sản, thu nhập phải kê khai theo đúng quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

##### **1.3. Mẫu bản kê khai và thời gian thực hiện bản kê khai**

Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lập 01 bản kê khai theo Phụ lục I kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai.

Khi thực hiện kê khai tài sản không tự ý thay đổi trình tự, nội dung của biểu mẫu trừ trường hợp nội dung biểu mẫu quy định cho phép bổ sung và có thể thêm dòng để ghi các thông tin theo từng nội dung quy định. Phải ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Không phải kê khai mục III về “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”.

Việc kê khai tài sản, thu nhập hoàn thành trước ngày 03/02/2021.

#### **1.4. Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập**

a) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thực hiện kê khai và gửi bản kê khai tài sản, thu nhập về Văn phòng Sở trước ngày 03/02/2021.

b) Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Đồng thời, khi nhận bản kê khai tài sản, thu nhập phải kiểm tra tính đầy đủ về nội dung phải kê khai; trường hợp Bản kê khai chưa đúng quy định (theo mẫu) hoặc không đầy đủ nội dung thì yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai lại hoặc kê khai bổ sung. Thời hạn kê khai lại hoặc kê khai bổ sung là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu).

c) Văn phòng Sở có trách nhiệm rà soát, kiểm tra bản kê khai, lập sổ theo dõi.

#### **1.5. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập**

a) Nội dung công khai:

Công khai tất cả các Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai.

b) Hình thức công khai: niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Tư pháp.

c) Thời gian: 15 ngày, kể từ ngày 04/02/2021.

d) Địa điểm niêm yết: Bảng thông báo của Sở Tư pháp.

Văn phòng Sở có trách nhiệm tham mưu lập thành biên bản niêm yết, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan và đại diện tổ chức công đoàn.

### **2. Kê khai lần đầu cho đối tượng mới tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác sau ngày 03/02/2021**

#### **2.1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập**

Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 34 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

#### **2.2. Tài sản, thu nhập phải kê khai**

Tài sản, thu nhập phải kê khai theo đúng quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

#### **2.3. Mẫu bản kê khai và thời gian thực hiện bản kê khai**

Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lập 01 bản kê khai theo Phụ lục I kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Khi thực hiện kê khai tài sản không tự ý thay đổi

trình tự, nội dung của biểu mẫu trừ trường hợp nội dung biểu mẫu quy định cho phép bổ sung và có thể thêm dòng để ghi các thông tin theo từng nội dung quy định. Phải ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Không phải kê khai mục III về “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”. Việc kê khai tài sản, thu nhập hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

#### **2.4. Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập**

a) Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai và gửi bản kê khai tài sản, thu nhập về Văn phòng Sở chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

b) Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi việc giao, nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định. Đồng thời, khi nhận bản kê khai tài sản, thu nhập phải kiểm tra tính đầy đủ về nội dung phải kê khai; trường hợp Bản kê khai chưa đúng quy định (theo mẫu) hoặc không đầy đủ nội dung thì yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai lại hoặc kê khai bổ sung. Thời hạn kê khai lại hoặc kê khai bổ sung là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu .

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, Văn phòng Sở có trách nhiệm rà soát, kiểm tra bản kê khai, lập sổ theo dõi.

#### **2.5. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập**

Văn phòng Sở có trách nhiệm tham mưu thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập như điểm 1.5 khoản 1 mục I nêu trên.

## **II. KÊ KHAI HÀNG NĂM, KÊ KHAI BỔ SUNG (bắt đầu thực hiện từ năm 2021)**

### **1. Kê khai hàng năm**

#### **1.1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập**

Việc kê khai hàng năm được quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, cụ thể kê khai hàng năm được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

- Giám đốc Sở Tư pháp;
- Người quy định tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, cụ thể:
  - + Các ngạch công chức và chức danh sau: Kế toán viên; Thanh tra viên.
  - + Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

Văn phòng Sở có trách nhiệm tham mưu công bố danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập trước ngày 20/12 hàng năm.

#### **1.2. Biểu mẫu, quy trình, thời gian hoàn thành việc kê khai**

Thực hiện tương tự như đối với việc kê khai lần đầu nêu tại khoản 1 mục I nêu trên.

## **2. kê khai bổ sung**

### **2.1. Đối tượng kê khai tài sản, thu nhập**

Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên (*trừ trường hợp đã kê khai hàng năm theo quy định tại khoản 1 mục II nêu trên*).

### **2.2. Tài sản, thu nhập phải kê khai**

Tài sản, thu nhập phải kê khai theo đúng quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

### **2.3. Mẫu bản kê khai và thời gian thực hiện bản kê khai**

Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lập 01 bản kê khai theo Phụ lục II kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Việc kê khai tài sản, thu nhập hoàn thành trước ngày 31/12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.

### **2.4. Quy trình, thủ tục thực hiện**

Thực hiện tương tự như đối với việc kê khai lần đầu nêu tại khoản 1 mục I nêu trên.

## **III. KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ**

Kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

1. Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 34 của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

2. Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018. Thời điểm kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.

## **IV. MỘT SỐ LƯU Ý**

1. Ngoài thực hiện theo Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và Kế hoạch này; theo yêu cầu công tác quản lý, công tác cán bộ mà các cơ quan Đảng, Đoàn thể có hướng dẫn bổ sung thì thực hiện theo các quy định đó.

2. Việc kê khai lần đầu theo Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, được hướng dẫn ở mục I văn bản này được xác định là bản kê khai gốc (duy nhất) và rất quan trọng, là cơ sở để phục vụ cho việc kê khai hàng năm, kê khai bổ sung các năm tiếp theo và phục vụ cho việc kiểm soát, xác minh tài sản, thu nhập về sau. Do đó, người có nghĩa vụ kê khai phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình và bị xử lý theo các hình thức đã được quy định rõ trong Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

3. Theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, hàng năm, các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập sẽ tiến



hành chọn ngẫu nhiên 20% cơ quan, tổ chức, đơn vị và đảm bảo tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hàng năm trong số các cơ quan, tổ chức, đơn vị đó để xác minh theo kế hoạch. Do đó, đề nghị các phòng chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và từng người thuộc đối tượng kê khai phải nghiên cứu kỹ các quy định và thực hiện đầy đủ, chính xác, tránh việc vi phạm, phải xử lý về sau.

4. Việc công khai các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng, trong đó, có quy định về công khai tài sản, thu nhập đã được quy định chi tiết trong Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. Việc vi phạm các quy định sẽ bị xử lý nghiêm với các hình thức cụ thể. Yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện.

### **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các Phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở có trách nhiệm triển khai, thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đảm bảo nội dung, thời gian theo quy định.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở nghiên cứu quy định về kê khai thu nhập, tài sản theo Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP để triển khai thực hiện hiệu quả.

3. Văn phòng Sở có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Thanh tra Sở chủ trì, ghi chép thu nhận thông tin phản ánh, kiến nghị liên quan đến nội dung bản kê khai, tham mưu lãnh đạo Sở xử lý kiến nghị, phản ánh theo quy định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020, yêu cầu các Phòng chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, chỉ đạo thực hiện.

#### **Nơi nhận:**

- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.



**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Kỳ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 18 tháng 01 năm 2021

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THUỘC ĐIỆN**  
**Kê khai Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2020**

Stt	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khôi Văn phòng Sở: 22 người</b>		
1	Hoàng Kỳ	Giám đốc Sở	Thuộc diện Ban thường vụ Tỉnh Ủy quản lý
2	Lê Sa Huỳnh	Phó Giám đốc Sở	Thuộc diện Ban thường vụ Tỉnh Ủy quản lý
3	Lê Hoài Nam	Phó Giám đốc Sở	Thuộc diện Ban thường vụ Tỉnh Ủy quản lý
4	Trần Thị Lan Chi	Chánh Văn phòng	
5	Nguyễn Sĩ Hải	Chánh Thanh tra	
6	Dương Thị Thu Hà	Trưởng phòng XD&KTVBQPPL	
7	Đào Thị Bình	Trưởng phòng HCTP	
8	Nguyễn Đức Linh	Phó Chánh Thanh tra	
9	Nguyễn Thị Phước Nghĩa	Phó Trưởng phòng QLXLVPHC, TDTHPL&BTTP	
10	Nguyễn Công Sơn	Phó Trưởng phòng PBGDPL	
11	Hoàng Thị Trang	Phó trưởng phòng HCTP	
12	Nguyễn Thị Lệ Giang	Phó Trưởng phòng XD&KTVBQPPL	
13	Nguyễn Thị Sen	Kế toán trưởng Sở Tư pháp	
14	Hoàng Ngọc Hạnh	Chuyên viên Văn phòng Sở	
15	Lê Thị Ánh Tuyết	Chuyên viên phòng PBGDPL	
16	Nguyễn Thị Linh	Chuyên viên Thanh tra Sở	
17	Lê Thị Huyền	Chuyên viên phòng PBGDPL	
18	Võ Thụ Duyên	Chuyên viên Phòng XD&KTVBQPPL	
19	Trần Sơn Tiên	Chuyên viên Phòng XD&KTVBQPPL	
20	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Chuyên viên Phòng XD&KTVBQPPL	
21	Hoàng Thị Thủy Ly	Chuyên viên Phòng HCTP	
22	Đoàn Thị Bích Hào	Chuyên viên Phòng HCTP	
23	Trần Thị Kiều	Văn thư Sở Tư pháp	
<b>II</b>	<b>Trung tâm TGPL: 02 người</b>		
24	Hà Trung Thành	Giám đốc TT	

25	Nguyễn Lương Chính	Phó Giám đốc TT	
<b>III</b>	<b>Phòng Công chứng 02: 01 người</b>		
23	Lê Văn Diễm	Trưởng phòng CC	
<b>IV</b>	<b>Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản: 01 người</b>		
24	Võ Thúy Ngọc	Phó giám đốc phụ trách TT	

Danh sách bao gồm 25 người

**Phu lục 2: Mẫu bản kê khai**

**MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN  
ĐẦU, KÊ KHAI HẰNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ**  
(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

**A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

**TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...<sup>(1)</sup>**

**(Ngày..... tháng..... năm..... )<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Chức vụ/chức danh công tác: .....

- Cơ quan/đơn vị công tác: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: .....

ngày cấp..... nơi cấp .....

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nghề nghiệp: .....

- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....

ngày cấp..... nơi cấp .....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....

- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....

ngày cấp..... nơi cấp .....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: .....

- Diện tích<sup>(9)</sup>: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....



- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: .....
  - Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....
  - 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
  - 1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:
    - 1.2.1. Thừa thứ nhất:
      - Loại đất:..... Địa chỉ: .....
      - Diện tích: .....
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
      - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
      - Thông tin khác (nếu có): .....
    - 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
  - 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
    - 2.1. Nhà ở:
      - 2.1.1. Nhà thứ nhất: .....
      - Địa chỉ: .....
      - Loại nhà<sup>(14)</sup>: .....
      - Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: .....
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
      - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
      - Thông tin khác (nếu có): .....
    - 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.
  - 2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:
    - 2.2.1. Công trình thứ nhất:
      - Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
      - Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
      - Diện tích: .....
      - Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
      - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
      - Thông tin khác (nếu có): .....
    - 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.
3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:
  - 3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:
    - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
    - Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
  - 3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:
    - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
    - Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
  - 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
    - Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>	Nội dung giải trình
------------------------	--	---------------------

	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>			

..... ngày.....tháng.....năm.....  
**NGƯỜI NHẬN BÁN KÊ KHAI**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)*

..... ngày.....tháng.....năm.....  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*